ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3546 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 ban hành Quy định về Bảng giá đất lần đầu công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về Bảng giá đất lần đầu công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 147/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 về mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 32/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1031/TTr-SNNMT ngày 12/10/2026 và Báo cáo 1108/BC-SNNMT ngày 28/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn đối với 10 khu đất do Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý; chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh đăng tải công khai Báo cáo thuyết minh phương án giá đất, Quyết định giá đất trên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.

2. Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên có trách nhiệm tổ chức cho thuê đất theo quy định

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Kho bạc nhà nước khu vực IV và Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT; THNA.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Nguyễn Lê Huy

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên khu đất/thửa đất	Địa điểm khu đất/thửa đất	Văn bản giao Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý	Diện tích đất (m^2)	Tài sản gắn liền với đất	Mục đích sử dụng đất	Hình thức cho thuê đất	Giá đất tại bảng giá đất (đồng)	Giá đất để tính tiền thuê (đồng)	Tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất	Giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn (đồng/m^2/năm)
1	Khu đất Sở nội vụ cũ	Số 01, Ngõ 274 đường Trần Thánh Tông, phường Trần Hưng Đạo	Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên	241,9	Không có	TMDV	Trả tiền thuê đất hàng năm	4.900.000	4.900.000	1,2%	58.800
2	Khu đất sinh vật cảnh	Đường Lý Thường Kiệt, phường Trần Lãm	Quyết định số 2483/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 và số 3031/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh Thái Bình	257,5	Không có	TMDV	Trả tiền thuê đất hàng năm	22.300.000	24.530.000	1,2%	294.360
3	Công ty CP VLXD Tiền Phong	phường Trần Lãm	Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Thái Bình	19.411,4	Không có	TMDV	Trả tiền thuê đất hàng năm	4.500.000	4.500.000	1,2%	54.000
4	Khu đất chợ của UBND phường Đề Thám (cũ)	Số 375 đường Trần Nhân Tông, phường Trần Hưng Đạo	Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của UBND tỉnh và Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND thành phố Thái Bình	947,5	Không có	TMDV	Trả tiền thuê đất hàng năm	12.000.000	12.000.000	1,2%	144.000

5	Khu đất Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thái Bình	Số 375 đường Trần Nhân Tông, phường Trần Hưng Đạo	Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của UBND tỉnh Thái Bình	1.367,2	Không có	TMDV	Trả tiền thuê đất hàng năm	6.400.000	6.400.000	1,2%	76.800
6	Công ty cổ phần tập đoàn Quang Minh	Xã Đông Hưng	Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 của UBND tỉnh Thái Bình	8.561,0	Không có	TMDV	Trả tiền thuê đất hàng năm	6.300.000	4.210.774	1,2%	50.529
7	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Thái Bình (Khu đất số 1)	Xã Tiền Hải	Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh Thái Bình	1.315,5	Không có	TMDV	Trả tiền thuê đất hàng năm	11.600.000	13.340.000	1,0%	133.400
8	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Thái Bình (Khu đất số 2)	Xã Tiền Hải	Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên	555,1	Không có	TMDV	Trả tiền thuê đất hàng năm	3.600.000	3.600.000	1,0%	36.000
9	Trường THPT Lê Danh Phương	Xã Hưng Hà	Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên	7.705,1	Không có	TMDV	Trả tiền thuê đất hàng năm	6.900.000	4.048.672	1,2%	48.584
10	Công ty cổ phần VLXD và xây lắp Cầu Nai	Xã Long Hưng	Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh Thái Bình	15.608,9	Không có	TMDV	Trả tiền thuê đất hàng năm	5.800.000	4.206.588	1,2%	50.479